

Số: 232/2020/QĐST-HNGĐ

Chương Mỹ, ngày 24 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 230/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 02/5/1995; Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Xóm N, xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội.

- Anh **Nguyễn Tài G**, sinh ngày 16/9/1990; Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tài G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 01/2013, ngày 08/11/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ và không duy trì quan hệ vợ chồng với nhau dẫn đến cuộc sống gia đình không còn

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả hai đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cả chị T và anh G vẫn giữ quan điểm xin ly hôn và cùng nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tài G có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2014.

Chị T, anh G thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung là Nguyễn Anh T cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thỏa thuận khác, quyết định thay đổi khác.

Chị T, anh G thỏa thuận sau khi ly hôn chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/01 tháng, kể từ ngày 01/7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc đến khi có thỏa thuận khác, quyết định thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Tài G tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tài G.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2014 cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thỏa thuận khác, quyết định thay đổi khác;

Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/01 tháng, kể từ ngày 01/7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc đến khi có thỏa thuận khác, quyết định thay đổi khác.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị T, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tài G tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004831 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Hưng